

Số: 07/2022/QĐST-DS

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án; và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 06/9/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 04/3/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn Nông Thị P và bị đơn Tô Văn N.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nông Thị P, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Bị đơn: Ông Tô Văn N, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền là bà Long Thị H, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Tô Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

- Bà Hoàng Thị M, địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

- Ông Tô Văn K, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Lương Thị N, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nông Thị P và ông Tô Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2171,6m² (được giới hạn bởi các mốc 19-20-7-8-9-10-17-16-19) thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã được cấp cho ông Tô Văn N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 110045 ngày 21/11/2008 của UBND huyện C.

Trong đó phần đất có diện tích 345m² cấp trùng vào thửa đất số 161, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã được cấp cho hộ ông Tô Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 336501 ngày 29/11/2003 của UBND huyện C.

Thông nhất phần đất thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1 sử dụng làm 02 con đường gồm: Con đường tạo bởi các điểm 10-17-16-15-13-12-18-10; và phần đường dân sinh bên dưới nhà bà P sử dụng làm đường đi chung.

2.2. Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Nông Thị P và ông Tô Văn C có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật đất đai. Đề nghị bà Nông Thị P, ông Tô Văn C, ông Tô Văn N có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc tách quyền sử dụng đất và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 110045 ngày 21/11/2008 đã được UBND huyện C cấp cho ông Tô Văn N đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Thôn Nà L, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Nguyên đơn bà Nông Thị P rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 110045 ngày 21/11/2008 đã được UBND huyện C cấp cho ông Tô Văn N đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2.4. Bị đơn anh Tô Văn N rút yêu cầu phản tố về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 336501 ngày 29/11/2003 của UBND huyện C đối với thửa đất số 161, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã được cấp cho hộ ông Tô Văn C.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 14.000.000^d (*Mười bốn triệu đồng*); các bên đương sự thỏa thuận nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.000.000^d (*Chín triệu đồng*), bị đơn tự nguyện chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*). Xác nhận các đương sự đã nộp đủ.

2.6. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm (thuộc trường hợp hộ nghèo) theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Nguyên đơn bà Nông Thị P được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000024 ngày 28/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hương